

---

## **Công ty Cổ phần Licogi 166**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 38

# Công ty Cổ phần Licogi 166

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty (Mã: LCS) đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hường	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Vũ Công Hưng, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Licogi 166

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con, do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Vũ Công Hùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2016



Số tham chiếu: 60992763/18490123-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) và công ty con được lập ngày 26 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thái Thanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>155.290.012.151</b>	<b>134.735.758.263</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>4.939.877.529</b>	<b>6.275.193.299</b>
111	1. Tiền		4.939.877.529	1.447.193.299
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.828.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>950.000.000</b>	<b>950.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	950.000.000	950.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>91.542.754.262</b>	<b>108.529.632.700</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	54.406.032.366	78.014.338.308
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	25.622.287.620	19.872.560.008
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.985.112.489	11.113.412.597
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(470.678.213)	(470.678.213)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>54.061.585.918</b>	<b>18.152.130.088</b>
141	1. Hàng tồn kho		55.160.273.252	18.152.130.088
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.098.687.334)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.795.794.442</b>	<b>828.802.176</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	436.652.848	828.802.176
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.359.141.594	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>82.846.248.862</b>	<b>71.781.245.948</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>447.407.263</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	447.407.263	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>73.836.982.483</b>	<b>57.050.303.116</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	72.030.331.858	57.050.303.116
222	Nguyên giá		119.304.354.119	103.343.838.653
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.274.022.261)	(46.293.535.537)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	1.806.650.625	-
225	Nguyên giá		1.852.975.000	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.324.375)	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.035.213.000</b>	<b>7.463.102.362</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.035.213.000	7.463.102.362
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.526.646.116</b>	<b>7.267.840.470</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.526.646.116	7.267.840.470
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>238.136.261.013</b>	<b>206.517.004.211</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

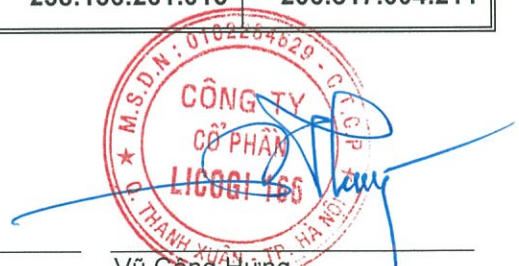
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>174.089.797.278</b>	<b>142.808.662.206</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>167.355.101.641</b>	<b>140.962.240.463</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	31.065.406.948	4.927.573.809
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	55.440.179.399	62.459.558.217
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	234.093.244	1.193.995.458
314	4. Phải trả người lao động		1.719.505.304	2.523.065.669
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.175.477.443	2.416.213.138
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.078.748.440	7.417.471.485
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	63.918.903.012	53.121.511.200
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	6.327.606.538	6.347.970.174
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	395.181.313	554.881.313
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.734.695.637</b>	<b>1.846.421.743</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		147.671.743	147.671.743
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	6.587.023.894	1.698.750.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>64.046.463.735</b>	<b>63.708.342.005</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>64.046.463.735</b>	<b>63.708.342.005</b>
411	1. Vốn cổ phần		76.000.000.000	76.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	7.616.480.409
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.990.880.189	9.163.236.123
421	4. Lỗ lũy kế		(17.944.416.454)	(29.071.374.527)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(18.282.538.184)	(30.050.325.102)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		338.121.730	978.950.575
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>238.136.261.013</b>	<b>206.517.004.211</b>



Đào Lan Tuyết  
Người lập



Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Công Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	61.075.610.036	29.108.825.741
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	61.075.610.036	29.108.825.741
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(54.621.051.219)	(23.151.435.983)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.454.558.817	5.957.389.758
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.714.248.106	190.455.348
22	7. Chi phí tài chính	24	(3.437.679.867)	(2.015.852.343)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(3.437.679.867)	(2.015.852.343)
25	8. Chi phí bán hàng		-	(48.039.076)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(4.393.005.326)	(3.870.414.759)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		338.121.730	213.538.928
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		338.121.730	213.538.928
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		338.121.730	213.538.928
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	44	28
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	44	28

  
Đào Lan Tuyết  
Người lập

  
Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng

  
Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71.536.431.574	61.523.111.884
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(60.957.646.594)	(50.389.978.377)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(7.456.336.678)	(4.644.172.364)
04	Tiền chi trả lãi vay		(3.435.130.671)	(2.035.051.509)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.600.950	4.440.159.612
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.908.873.856)	(4.565.965.577)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5.204.955.275)</b>	<b>4.328.103.669</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.667.017.500)	(95.700.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		61.643.038	11.499.432
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.605.374.462)</b>	<b>(84.200.568)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		50.246.301.215	36.214.630.566
34	Tiền trả nợ gốc vay		(36.010.073.733)	(42.957.052.181)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(761.213.515)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>13.475.013.967</b>	<b>(6.742.421.615)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.335.315.770)	(2.498.518.514)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.275.193.299	2.627.951.289
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ		4.939.877.529	129.432.775



Đào Lan Tuyết  
Người lập



Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Công Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty (Mã: LCS) đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 81 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 78 người).

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166. Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001932226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Công ty con này có trụ sở chính tại mỏ đá Cụp Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi và đất sét. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

**2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN****Giá định hoạt động liên tục**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, lỗ lũy kế của Công ty và công ty con là 17.944.416.454 đồng và tổng nợ phải trả ngắn hạn của Công ty và công ty con là 167.355.101.641 đồng đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 12.065.089.490 đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và công ty con phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con đã có các kế hoạch tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đảm bảo tiếp tục hoạt động trong năm tiếp theo mà không có bất cứ sự gián đoạn nào. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### **3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

#### **3.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### **3.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

#### **3.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (công ty mẹ) và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ thời điểm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

##### 4.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 4.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.  
dụng cụ
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở - giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ  
dang và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây  
lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối  
lượng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên  
độ.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### 4.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### 4.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính, do chắc chắn bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc, thiết bị 10 năm

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 năm

**4.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong kỳ.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.11 Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp**

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty và công ty con trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng ở mức 3% trên tổng giá trị công trình xây lắp hoàn thành và bàn giao.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### 4.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

###### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con. Ngoài ra, quỹ này cũng có thể dùng để bù lỗ lũy kế theo phê duyệt của đại hội đồng cổ đông.

###### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.14 *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ). Thặng dư vốn cổ phần có thể được sử dụng để tăng vốn, mua cổ phiếu quỹ hoặc bù lỗ lũy kế theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

##### 4.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

###### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

###### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

###### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### 4.16 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.16 *Hợp đồng xây dựng* (tiếp theo)

Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó, chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó. Các chi phí bắt buộc phải trả theo điều khoản của hợp đồng phản ánh chi phí thấp nhất nếu từ bỏ hợp đồng. Mức chi phí đó sẽ thấp hơn mức chi phí để thực hiện hợp đồng, kể cả các khoản bồi thường hoặc đền bù phát sinh do việc không thực hiện được hợp đồng.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng.

##### 4.17 *Thuế*

###### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

###### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

##### 4.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu là hoạt động xây lắp và hoạt động khai thác, kinh doanh đá. Ban Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty và công ty con theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh kinh doanh dựa theo loại sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	114.217.227	130.202.658
Tiền gửi ngân hàng	4.825.660.302	1.316.990.641
Các khoản tương đương tiền	-	4.828.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.939.877.529</u></b>	<b><u>6.275.193.299</u></b>

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:</b>		
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ thuê tài chính	1.449.438.222	-

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với kỳ hạn 1 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến ngày 14 tháng 9 năm 2016 và hưởng lãi suất 6%/năm.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu ngắn hạn từ các bên khác	4.652.360.650	6.508.169.141
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	49.753.671.716	71.506.169.167
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.406.032.366</u></b>	<b><u>78.014.338.308</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(470.678.213)	(470.678.213)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	3.592.775.000	3.592.775.000
Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh	7.052.132.884	8.452.132.884
Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	10.045.328.135	3.183.424.874
Các khoản trả trước khác	4.932.051.601	4.644.227.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.622.287.620</u></b>	<b><u>19.872.560.008</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng cho nhân viên	10.960.731.411	-	10.199.615.977	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.024.381.078	-	913.796.620	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.985.112.489</b>	<b>-</b>	<b>11.113.412.597</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	447.407.263	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>447.407.263</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên, vật liệu	7.795.698.173	-	1.085.492.571	-
Công cụ, dụng cụ	121.627.319	-	125.245.319	-
Chi phí khai thác đá dờ dang	-	-	520.272.583	-
Thành phẩm	4.574.652.810	(1.098.687.334)	-	-
Công trình xây lắp dờ dang (*)	42.668.294.950	-	16.421.119.615	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.160.273.252</b>	<b>(1.098.687.334)</b>	<b>18.152.130.088</b>	<b>-</b>

(\*) Công trình xây lắp dở dang tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm chi phí xây lắp chưa được nghiệm thu của các công trình sau:

Đơn vị tính: VND

Công trình	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bê tông đỉnh đập – Bản Chát	3.871.872.319	3.871.872.319
Quốc lộ 1A – Quảng Trị	6.352.740.080	7.824.333.639
Hạ Long – Vân Đồn	5.949.613.165	2.201.259.323
Kè bảo vệ Sông Hậu	9.634.842.597	2.443.550.208
Trung tâm thông tin miền Trung – Đà Nẵng	80.104.121	80.104.126
BOT 38	16.774.510.401	-
Gamuda Land	4.612.267	-
	<b>42.668.294.950</b>	<b>16.421.119.615</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.098.687.334	-
Số cuối kỳ	1.098.687.334	-



## Công ty Cổ phần Licogi 166

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	28.554.256.647	63.785.682.582	10.613.454.044	390.445.380	103.343.838.653
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	1.966.254.454	4.510.178.908	-	6.476.433.362
- Mua mới trong kỳ	-	11.017.692.070	820.036.364	-	11.837.728.434
- Xóa sổ	-	(2.012.100.950)	-	(341.545.380)	(2.353.646.330)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	28.554.256.647	74.757.528.156	15.943.669.316	48.900.000	119.304.354.119
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	24.511.668.489	9.363.690.409	-	33.875.358.898
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.500.815.928	34.322.591.133	10.096.485.381	373.643.095	46.293.535.537
- Khấu hao trong kỳ	633.453.845	2.193.119.755	502.669.454	4.889.999	3.334.133.053
- Xóa sổ	-	(2.012.100.950)	-	(341.545.379)	(2.353.646.329)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.134.269.773	34.503.609.938	10.599.154.835	36.987.715	47.274.022.261
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.053.440.719	29.463.091.449	516.968.663	16.802.285	57.050.303.116
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	26.419.986.874	40.253.918.218	5.344.514.481	11.912.285	72.030.331.858

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 33.171.066.032 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 34.346.422.276 VND) được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Máy móc thiết bị*

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Tăng trong kỳ	<u>1.852.975.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.852.975.000</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Khấu hao trong kỳ	<u>46.324.375</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>46.324.375</u>

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u><u>1.806.650.625</u></u>

Công ty thuê máy đào bánh xích theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease ngày 28 tháng 1 năm 2016. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 18.3.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Máy móc thiết bị thi công chờ kiểm định	-	6.427.889.362
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.035.213.000</b></u>	<u><b>7.463.102.362</b></u>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa máy móc	33.677.500	281.006.333
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	158.432.211	387.483.002
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	42.200.000	62.800.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	202.343.137	97.512.841
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>436.652.848</b></u>	<u><b>828.802.176</b></u>
<b>Dài hạn</b>		
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và tài sản mỏ khác	7.127.754.142	6.954.016.909
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	174.500.000	233.300.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	224.391.974	80.523.561
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>7.526.646.116</b></u>	<u><b>7.267.840.470</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên khác				
- Công ty TNHH Sakai Heavy Industries	3.130.813.069	3.130.813.069	-	-
- Công ty Cổ phần Jitta	7.304.982.000	7.304.982.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vật tư Sơn Hà	6.503.590.650	6.503.590.650	155.263.550	155.263.550
- Công ty Cổ phần Khai thác Đá Hưng Thịnh	-	-	1.416.208.880	1.416.208.880
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	202.215.117	202.215.117	662.215.117	662.215.117
- Phải trả cho người bán khác	13.923.806.112	13.923.806.112	2.226.661.124	2.226.661.124
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	-	467.225.138	467.225.138
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.065.406.948</b>	<b>31.065.406.948</b>	<b>4.927.573.809</b>	<b>4.927.573.809</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương (*)	54.488.753.154	62.166.635.400
Đối tượng khác	951.426.245	292.922.817
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.440.179.399</b>	<b>62.459.558.217</b>

(\*) Đây là khoản Công ty Cổ phần BOT Biên Cương trả trước cho Công ty theo hợp đồng ký kết giữa hai bên cho công trình Hạ Long-Vân Đồn.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	961.589.332	92.920.140	1.054.509.472	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	65.739.762	-	-	65.739.762
Thuế thu nhập cá nhân	165.584.474	101.510.911	99.823.793	167.271.592
Các loại thuế khác	1.081.890	-	-	1.081.890
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.193.995.458</b>	<b>194.431.051</b>	<b>1.154.333.265</b>	<b>234.093.244</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê tông	750.000.000	2.326.661.684
Chi phí lãi vay trích trước	92.100.650	89.551.454
Các khoản khác	333.376.793	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.175.477.443</u></b>	<b><u>2.416.213.138</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	473.000.000	473.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế	447.227.625	157.885.010
Kinh phí công đoàn	359.385.686	363.231.038
Cổ tức phải trả	39.070.600	39.070.600
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	19.874.520	304.591.035
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	588.473.587	1.412.501.007
Các khoản phải trả, phải nộp khác	925.292.718	907.994.229
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	4.226.423.704	3.759.198.566
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.078.748.440</u></b>	<b><u>7.417.471.485</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	49.460.261.200	49.460.261.200	44.289.301.215	34.119.448.733	59.630.113.682	59.630.113.682	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.661.250.000	3.661.250.000	1.974.625.000	1.890.625.000	3.745.250.000	3.745.250.000	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	1.304.752.845	761.213.515	543.539.330	543.539.330	
	<b>53.121.511.200</b>	<b>53.121.511.200</b>	<b>47.568.679.060</b>	<b>36.771.287.248</b>	<b>63.918.903.012</b>	<b>63.918.903.012</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngân hàng	1.698.750.000	1.698.750.000	5.957.000.000	1.974.625.000	5.681.125.000	5.681.125.000	
Nợ thuế tài chính	-	-	2.210.651.739	1.304.752.845	905.898.894	905.898.894	
	<b>1.698.750.000</b>	<b>1.698.750.000</b>	<b>8.167.651.739</b>	<b>3.279.377.845</b>	<b>6.587.023.894</b>	<b>6.587.023.894</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.820.261.200</b>	<b>54.820.261.200</b>	<b>55.736.330.799</b>	<b>40.050.665.093</b>	<b>70.505.926.906</b>	<b>70.505.926.906</b>	

**18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Đơn vị tính: VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	59.630.113.682	Từ 8 đến 9 tháng, đáo hạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 24 tháng 2 năm 2017	9,2% - 10%	Nhà văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn và quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành của dự án Quốc lộ 38 và dự án Hạ Long-Vân Đồn	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.630.113.682</b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức
				đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	372.000.000	Đáo hạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 1 năm 2019	Lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ hạn 13 tháng bằng VND + biên độ 2,95%/năm	Phương tiện vận tài
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.420.000.000	Đáo hạn từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017	11% -12%	Máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7.634.375.000	Đáo hạn từ quý III năm 2016 đến quý IV năm 2019	10,5%	Máy móc, thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.426.375.000</b>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	3.745.250.000			
Vay dài hạn	5.681.125.000			

**18.3 Nợ thuê tài chính**

Công ty hiện đang thuê máy đào bánh xích theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease ngày 28 tháng 1 năm 2016. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Từ 1 năm trở xuống	651.567.773	108.028.443	543.539.330	-	-	-
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Trên 1-5 năm	977.238.433	71.339.539	905.898.894	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.628.806.206</b>	<b>179.367.982</b>	<b>1.449.438.224</b>	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Thay đổi khoản dự phòng bảo hành công trình được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ		
- Tăng trong kỳ	6.347.970.174	6.914.970.174
- Sử dụng trong kỳ	(20.363.636)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>6.327.606.538</u></b>	<b><u>6.914.970.174</u></b>

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được xác định theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

**20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	554.881.313	1.159.329.313
Chi trong kỳ	(159.700.000)	(604.448.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>395.181.313</u></b>	<b><u>554.881.313</u></b>

## Công ty Cổ phần Licogi 166

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	213.538.928	213.538.928
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.836.786.174)	62.942.930.358
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ (*)	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	10.788.836.343	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	338.121.730	338.121.730
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.944.416.454)	64.046.463.735

(\*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm 2015 của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần và một phần quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ lũy kế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	7.616.480.409	7.616.480.409
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>83.616.480.409</b>	<b>83.616.480.409</b>

**21.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.600.000</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>7.600.000</b>	<b>76.000.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>61.075.610.036</b>	<b>29.108.825.741</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	7.791.675.548	5.295.338.141
<i>Doanh thu cho thuê máy móc</i>	26.845.454	1.551.722.544
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	53.257.089.034	22.261.765.056
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>61.075.610.036</b>	<b>29.108.825.741</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	26.435.853.521	188.553.947
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	34.639.756.515	28.920.271.794

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	53.257.089.034	22.261.765.056
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.257.089.034</b>	<b>22.261.765.056</b>
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện được ghi nhận đến ngày 30 tháng 6	205.522.122.213	34.786.445.072

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi	107.559.705	190.455.348
Lãi bán hàng trả chậm	1.606.688.401	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.714.248.106</b>	<b>190.455.348</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.216.227.173	5.218.655.129
Giá vốn của dịch vụ cho thuê máy	26.845.454	1.160.756.590
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	45.279.291.258	16.772.024.264
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.098.687.334	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.621.051.219</u></b>	<b><u>23.151.435.983</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	3.437.679.867	2.015.852.343
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.437.679.867</u></b>	<b><u>2.015.852.343</u></b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	2.846.958.724	2.317.541.652
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.546.046.602	1.552.873.107
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.393.005.326</u></b>	<b><u>3.870.414.759</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.124.593.520	16.547.054.175
Chi phí nhân công	9.282.756.971	5.326.361.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.380.457.429	3.724.904.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.843.332.438	9.563.438.491
Chi phí khác	4.684.471.749	1.773.934.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>89.315.612.107</u></b>	<b><u>36.935.693.082</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>338.121.730</b>	<b>213.538.928</b>
<i>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	-	102.000.000
Điều chỉnh dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.722.297.788)	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế và chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>(1.384.176.058)</b>	<b>315.538.928</b>
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế và chưa cần trừ lỗ năm trước của công ty mẹ	338.121.730	315.538.928
Lỗ điều chỉnh trước thuế của công ty con	(1.722.297.788)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(338.121.730)	(315.538.928)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.739.762	65.739.762
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 15)</b>	<b>65.739.762</b>	<b>65.739.762</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

*Lỗi chuyển sang từ năm trước*

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty và công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 37.930.295.249 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 36.546.119.191 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

*Công ty mẹ*

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2016
2014	2019	(*) 37.701.466.149	1.521.072.305	-	36.180.393.844
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>37.701.466.149</b>	<b>1.521.072.305</b>	<b>-</b>	<b>36.180.393.844</b>

*Công ty con*

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2016
2015	2020	27.603.617	-	-	27.603.617
2016	2021	1.722.297.788	-	-	1.722.297.788
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.749.901.405</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.749.901.405</b>

(\*) Lỗ tính thuế theo tờ khai quyết toán thuế năm chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty và công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong các giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu bán đá và cho thuê thiết bị	69.491.143	6.658.506.738
		Doanh thu xây lắp	34.570.265.372	22.261.765.056
		Lãi bán hàng trả chậm	1.606.688.401	-
		Mua tài sản cố định	4.874.342.072	-
		Chi phí thuê máy, thuê thiết bị	990.684.260	-
		Chi phí thí nghiệm công trình	640.028.405	-
Công ty Cổ Phần Licogi 10	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	428.662.550

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty và công ty con bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ một phần khoản phải thu Công ty Cổ phần Licogi 16 liên quan đến công trình Bản Chát có lãi suất 4,5%/năm) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và công ty con đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con với số tiền là 52.066.122 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 52.066.122 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu xây lắp	49.679.291.542	71.431.788.993
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Xây dựng và Kỹ thuật Công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	74.380.174	74.380.174
			<b>49.753.671.716</b>	<b>71.506.169.167</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	-	467.225.138
			-	<b>467.225.138</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b> (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	467.225.138	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Phải trả về hợp đồng xây dựng	59.198.566	59.198.566
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Ứng trước cho Công ty để thuê văn phòng	3.700.000.000	3.700.000.000
			<b>4.226.423.704</b>	<b>3.759.198.566</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	565.778.938	636.313.002
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>565.778.938</b>	<b>636.313.002</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	338.121.730	213.538.928
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>338.121.730</u>	<u>213.538.928</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>338.121.730</u></b>	<b><u>213.538.928</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.600.000</u>	<u>7.600.000</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.</b>	<b><u>7.600.000</u></b>	<b><u>7.600.000</u></b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>44</b>	<b>28</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>44</b>	<b>28</b>

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu là hoạt động xây lắp và hoạt động khai thác, kinh doanh đá..

Công ty và công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và công ty con cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận xây lắp thực hiện đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng và cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật.

Bộ phận khai thác và kinh doanh đá thực hiện khai thác và kinh doanh đá xây dựng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bộ phận xây lắp	Bộ phận khai thác và kinh doanh đá	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu bán ra bên ngoài	60.203.687.133	871.922.903	-	61.075.610.036
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	2.215.592.978	-	(2.215.592.978)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>62.419.280.111</b>	<b>871.922.903</b>	<b>(2.215.592.978)</b>	<b>61.075.610.036</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	2.025.407.418	(1.687.285.688)	-	338.121.730
Lợi nhuận thuần trước thuế				338.121.730
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận thuần sau thuế				338.121.730
<b>Tài sản và công nợ</b>				
Tài sản bộ phận	237.105.633.035	31.129.023.249	(30.098.395.271)	238.136.261.013
Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>238.136.261.013</b>
Công nợ bộ phận	173.595.728.565	12.342.365.389	(11.848.296.676)	174.089.797.278
Công nợ không phân bổ				-
<b>Tổng công nợ</b>				<b>174.089.797.278</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định	20.167.136.796	-	-	20.167.136.796
Khấu hao	2.854.204.722	526.252.707	-	3.380.457.429
<b>Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	23.824.841.547	5.283.984.194	-	29.108.825.741
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>23.824.841.547</b>	<b>5.283.984.194</b>	<b>-</b>	<b>29.108.825.741</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	887.473.643	(673.934.715)	-	213.538.928
Lợi nhuận thuần trước thuế				213.538.928
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận thuần sau thuế				213.538.928
<b>Tài sản và công nợ</b>				
Tài sản bộ phận	129.847.115.269	19.640.179.690	-	149.487.294.959
Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>149.487.294.959</b>
Công nợ bộ phận	84.071.210.201	2.473.154.400	-	86.544.364.601
Công nợ không phân bổ				-
<b>Tổng công nợ</b>				<b>86.544.364.601</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	87.000.000	-	-	87.000.000
Khấu hao	3.724.904.412	-	-	3.724.904.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty con hiện đang thuê đất cho dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại Mỏ đá Cup Đụn, phường Kỳ Phương, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo hợp đồng thuê đất số 04/2016/HĐTĐ-KKT ngày 28 tháng 3 năm 2016. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	357.601.500	-
Trên 1 – 5 năm	536.402.250	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>894.003.750</b>	<b>-</b>



**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

 Đào Lan Tuyết Người lập	 Hà Thị Huê Kế toán trưởng	 Vũ Công Hùng Tổng Giám đốc
---	--	---



Ngày 26 tháng 8 năm 2016